

Số: 27/QĐ-MGTT

Tâm Thắng, ngày 18 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai bổ sung, điều chỉnh dự toán NSNN năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẪU GIÁO TÂM THẮNG

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 và số Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 61/2017/TT-BTC hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-PGDĐT ngày 14/11/2024 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cư Jút về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của bộ phận tài chính – kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai bổ sung số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của trường Mẫu giáo Tâm Thắng là -89.050.000 đồng (Tám mươi chín triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) (Có biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận tài chính và các bộ phận có liên quan thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP,KT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Hồng

**BIỂU CHI TIẾT CÔNG KHAI BỔ SUNG DỰ TOÁN NĂM 2024
CỦA TRƯỜNG MẪU GIÁO TÂM THẮNG**

(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ-MGTT ngày 18/11/2024 của trường MGTT)

STT	Nội dung	Số tiền (nghìn đồng)
	Dự toán bổ sung chi ngân sách nhà nước năm 2024 (được giao giảm 89,050 triệu đồng)	-89.050
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi cho con người: lương và các khoản theo lương theo ND24/2023/NĐ-CP	-86.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	- KP hỗ trợ CPHT theo NQ11/2022/NQ-HĐND	- 3.050

Đơn vị: Trường Mẫu Giáo Tâm Thắng
Số: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 27/QĐ- MGTT ngày 18/11/2024 của trường MGTT)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Học phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
I	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(89,050)
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	(89,050)
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	(86.000)
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	(3.050)
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	

	Nội dung	Dự toán được giao
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Tâm Thắng, ngày 18 tháng 11 năm 2024

Kê toán

Thủ trưởng đơn vị



Trần Thị Thủy



Nguyễn Thị Hồng